

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 688/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền B, trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2023 và các bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền B trình bày:

Bà Bích xây dựng hạnh phúc với ông Phạm Văn T do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành

phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Trong cuộc sống vợ chồng bà và ông T nhiều năm mâu thuẫn nguyên nhân do ông T là người chồng không tu chí, chơi bời cờ bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác về gây sự đánh bà, đập phá đồ đạc, sống không có tình cảm với vợ con. Vợ chồng mâu thuẫn được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải nhưng không có kết quả. Bà kiên nhẫn chịu đựng để các con có một gia đình hoàn hảo. Tuy danh nghĩa vợ chồng nhưng bà đã sống ly thân với ông T thời gian dài. Nay các con của bà và ông T đều đã trưởng thành nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Văn T. Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1989 và Phạm Quốc L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1993, hiện các con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà B không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông không đến tòa án để giải quyết việc bà B xin ly hôn ông nên không có lời khai của ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền B đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Phạm Văn T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà Nguyễn Thị Huyền B được ly hôn ông Phạm Văn T. Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1989 và Phạm Quốc L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1993, hiện các con của ông bà đã trưởng thành bà B không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Huyền B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Phạm Văn T. Ông T có nơi cư trú tại thôn L, xã M, huyện A,

thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Huyền B và ông Phạm Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền B và ông Phạm Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà B và ông T chung sống tại thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, làm mất sự tin tưởng đối với bà B, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không hợp tác và không có ý kiến gì về việc bà B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông T. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà Bích và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà B xin ly hôn ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà B và ông T có 02 con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1989 và Phạm Quốc L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1993, hiện các con của ông bà đã trưởng thành bà B không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Huyền B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền B được ly hôn ông Phạm Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Huyền B đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001527 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị Huyền B đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị Huyền B và ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn